



Thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Hồ Thị Bích Tuyền

Trường Tiểu học Phú Hoà Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 16/9/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 06/10/2023

Ngày nhận đăng: 15/10/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giáo dục;

Học sinh tiểu học;

Kỹ năng tự bảo vệ.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi trên 240 cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học cho thấy các cán bộ quản lý, giáo viên cho thấy học sinh tiểu học còn hạn chế về kỹ năng tự bảo vệ. Phần lớn các cán bộ quản lý, giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học. Các trường đã tiến hành giáo dục các kỹ năng tự bảo vệ cơ bản, song mức độ cần được tăng cường hơn. Các hình thức và phương pháp giáo dục khá đa dạng nhưng mức độ sử dụng chưa đồng đều. Một số phương pháp rèn kỹ năng chưa được sử dụng nhiều. Các điều kiện tài chính, cơ sở vật chất còn hạn chế. Các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học cần dựa trên thực trạng này.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tự bảo vệ là kỹ năng cần thiết cho trẻ nhỏ, thể hiện ở khả năng tự che chở, tự bảo vệ lấy mình, tự mình giữ lấy mình, chống lại sự xâm hại của kẻ khác (Hoàng, 2004). Nó bao gồm tập hợp những kỹ năng như: an toàn khi chơi, phòng tránh một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ, tránh bị xâm hại thân thể, quấy rối tình dục, an toàn khi ăn, ứng xử khi bị lạc, tham gia giao thông, thích ứng trong môi trường xã hội.

Lứa tuổi tiểu học đang hình thành những giá trị nhân cách, giàu trí tưởng tượng, ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá song còn thiếu hiểu biết sâu sắc về xã hội, còn thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị rơi vào những tình huống có thể nguy hiểm, không an toàn cho bản thân. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh giúp các em biết bảo vệ bản thân trước những tình huống nguy hiểm, tự tin và làm chủ cuộc sống. Việc thực hiện tốt giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học là góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở năng lực tự chủ và tự học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b) và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014; 2015; 2018a).

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, một địa bàn dù nằm ở ngoại ô của thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn chịu nhiều sự tác động thách thức của xã hội hiện đại, đặc biệt là cuộc sống nhộn nhịp, phố phường từ vùng trung tâm.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu là 240 cán bộ quản lý, giáo viên của 5 trường tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi, Trường Tiểu học Phú Hoà Đông, Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2, Trường Tiểu học Trung An, Trường Tiểu học Phạm Văn Cội). Trong đó, 78,8% là giới tính nữ; giáo viên chiếm 70%, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh là 0,8%, Ban giám hiệu là 16,7% và Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn là 12,5%.

Tác giả liên hệ: Hồ Thị Bích Tuyền;

Địa chỉ e-mail: bichtuyen1777@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.217.2025>

Phương pháp nghiên cứu chính là điều tra bằng bảng hỏi. Các phương án trả lời được thiết kế theo thang đo Likert 5 điểm với các mức điểm như sau:

1 điểm	2 điểm	3 điểm	4 điểm	5 điểm
Hoàn toàn không đồng ý	Phản lớn không đồng ý	Phản vân	Phản lớn đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Đáp ứng ở mức kém	Đáp ứng ở mức yếu	Đáp ứng ở mức trung bình	Đáp ứng ở mức khá	Đáp ứng ở mức tốt
Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Khá thường xuyên	Rất thường xuyên
Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt

Phần mềm SPSS 26.0 đã được sử dụng để xử lý số liệu với các đại lượng thống kê mô tả như: phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã tiến hành phỏng vấn 3 giáo viên (được mã hoá là GV1, GV2, GV3).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mức độ đáp ứng các kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học

Việc tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh cần phải dựa trên thực trạng kỹ năng tự bảo vệ của học sinh tiểu học. Nghiên cứu đã tìm hiểu vấn đề này, kết quả được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên mức độ đáp ứng các kỹ năng tự bảo vệ của học sinh trường ở các trường tiểu học

STT	Kỹ năng tự bảo vệ	ĐTB	ĐLC
1	Kỹ năng an toàn khi tự chơi	3,04	0,837
2	Kỹ năng phòng tránh một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	2,81	0,779
3	Kỹ năng tránh bị xâm hại thân thể, quấy rối tình dục	2,82	0,896
4	Kỹ năng an toàn khi ăn	3,05	0,810
5	Kỹ năng ứng xử khi bị lạc	3,06	0,735
6	Kỹ năng tham gia giao thông an toàn	3,08	0,870
7	Kỹ năng thích ứng trong môi trường xã hội	3,03	0,712

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn

Theo đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên, mức độ đáp ứng của các kỹ năng tự bảo vệ của học sinh chủ yếu “đáp ứng ở mức trung bình”, ĐTB từ 2,81 đến 3,08. Trong tương quan chung, những kỹ năng được đánh giá nhỉnh hơn là: “Kỹ năng tham gia giao thông an toàn”, “Kỹ năng ứng xử khi bị lạc”, “Kỹ năng an toàn khi ăn”, “Kỹ năng an toàn khi tự chơi”, “Kỹ năng thích ứng trong môi trường xã hội”. Hai kỹ năng được đánh giá thấp hơn là: “Kỹ năng phòng tránh một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ”, “Kỹ năng tránh bị xâm hại thân thể, quấy rối tình dục”. Đây cũng là hai kỹ năng đáng báo động trong xã hội đầy thách thức ngày nay.

3.2. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò của việc tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học

Hành vi của con người thường xuất phát từ sự nhận thức. Nhận thức định hướng, chi phối đến hành vi. Chính vì lẽ đó, nghiên cứu đã tìm hiểu nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò của việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò của việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học

STT	Vai trò	ĐTB	ĐLC
1	Giúp trẻ tự tin và làm chủ cuộc sống.	4,43	0,820
2	Giúp trẻ phòng tránh những tình huống nguy hiểm khi khám phá thế giới bên ngoài.	4,24	0,795
3	Giúp trẻ tự duy, phán đoán được những nguy hiểm có thể xảy ra và tìm cách tránh xa.	4,02	0,794
4	Giúp trẻ tự vạch cho mình một khu vực đảm bảo an toàn để khám phá, tìm hiểu mọi thứ.	4,13	0,848
5	Giúp trẻ có khả năng xử lý tình huống, biết lên tiếng kêu cứu và tìm đến những sự trợ giúp đúng khi cần.	4,38	0,732

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Dữ liệu ở bảng 2 cho thấy cán bộ quản lý, giáo viên đánh giá cao các vai trò của việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học. Điều này thể hiện qua ĐTB ở các nhận định nằm trong khoảng 4,02 đến 4,43, tức từ mức “phản lớn đồng ý” trở lên. Trong đó, vai trò nhận được sự đồng tình cao nhất là “Giúp trẻ tự tin và làm chủ cuộc sống”. Tự tin và làm chủ là điều mong muốn lớn nhất của người lớn dành cho con trẻ. Việc giáo

đục kỹ năng tự bảo vệ sẽ giúp thầy cô, cha mẹ an tâm vì các em có được kỹ năng để có thể tự tin ứng phó các tình huống, bảo vệ bản thân.

Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá cao các vai trò như: “Giúp trẻ phòng tránh những tình huống nguy hiểm khi khám phá thế giới bên ngoài”, “Giúp trẻ có khả năng xử lý tình huống, biết lên tiếng kêu cứu và tìm đến những sự trợ giúp đúng khi cần”, “Giúp trẻ tự vạch cho mình một khu vực đảm bảo an toàn để khám phá, tìm hiểu mọi thứ”, “Giúp trẻ tư duy, phán đoán được những nguy hiểm có thể xảy ra và tìm cách tránh xa”. Tất cả những điều này giúp thầy cô, cha mẹ trẻ yên tâm khi trẻ hoà nhập với cộng đồng, xã hội.

3.3. Thực trạng nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học

Nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ là những kỹ năng thành phần cần giáo dục cho học sinh. Nghiên cứu đã xác định 7 kỹ năng thành phần và kết quả được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ thực hiện các kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học

STT	Nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh	ĐTB	ĐLC
1	Kỹ năng an toàn khi tự chơi.	3,08	0,747
2	Kỹ năng phòng tránh một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	2,98	0,863
3	Kỹ năng tránh bị xâm hại thân thể, quấy rối tình dục.	2,97	0,748
4	Kỹ năng an toàn khi ăn.	3,18	0,870
5	Kỹ năng ứng xử khi bị lạc.	3,17	0,791
6	Kỹ năng tham gia giao thông an toàn.	3,18	0,810
7	Kỹ năng thích ứng trong môi trường xã hội.	2,84	0,755

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Dữ liệu khảo sát cho thấy các kỹ năng được đánh giá chủ yếu ở mức “khá thường xuyên” với ĐTB từ 2,84 đến 3,18. Như vậy, các trường đã chú ý đến việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học. Trong đó, những kỹ năng được nhà trường chú trọng giáo dục nhiều hơn là “Kỹ năng an toàn khi ăn”, “Kỹ năng tham gia giao thông an toàn”, “Kỹ năng ứng xử khi bị lạc”. Theo trao đổi của một giáo viên, sở dĩ các kỹ năng được chú trọng giáo dục nhiều là bởi các lý do: Về kỹ năng an toàn khi ăn, các thầy cô có điều kiện giáo dục cho học sinh là bởi vì tổ chức học bán trú, các học sinh ăn tại trường nên các thầy cô lồng ghép giáo dục cho các cháu. Về kỹ năng tham gia an toàn giao thông, hiện nay, Bộ GD&ĐT có hướng dẫn tích hợp nội dung này trong các môn học và hoạt động giáo dục. Về kỹ năng ứng xử khi bị lạc, được Ban giám hiệu nhấn mạnh vì đây là lứa tuổi tính tự lập của các em được mở rộng, phạm vi giao tiếp được mở rộng hơn. (GV1)

“Kỹ năng thích ứng trong môi trường xã hội” được đánh giá là ít giáo dục nhất. Theo kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên ở mục 2.3.1, đây cũng là kỹ năng được đánh giá khá hơn. Đây có thể là lý do khiến kỹ năng này ít được giáo dục hơn. Tuy nhiên, theo đánh giá của học sinh, “kỹ năng thích ứng trong môi trường xã hội” lại khá hạn chế. Do vậy, cần tăng cường giáo dục kỹ năng này cho học sinh.

Những năm gần đây, vấn đề xâm hại tình dục đang gióng lên hồi chuông báo động. Đối tượng xâm hại trẻ em không chỉ là những người xa lạ mà còn là người thân bên cạnh. Chính vì lẽ đó, kỹ năng này đã được triển khai trong các nhà trường. Tuy vậy, so với các kỹ năng khác, mức độ giáo dục kỹ năng này vẫn hạn chế hơn.

3.4. Thực trạng hình thức và phương pháp tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học

Kết quả nghiên cứu về hình thức và phương pháp tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về hình thức của việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học

STT	Hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh	ĐTB	ĐLC
1	Thông qua các môn học trong chương trình.	4,13	0,649
2	Thông qua hoạt động trải nghiệm theo chủ đề	4,19	0,652
3	Thông qua sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp	3,25	0,721
4	Thông qua các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.	3,10	0,750
5	Thông qua sinh hoạt ở các câu lạc bộ	2,95	0,874

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Bảng 4 cho thấy cả 5 hình thức đều được đánh giá sử dụng trong quá trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học với các mức độ khác nhau (ĐTB từ 2,95 đến 4,19). Trong đó, 2 hình thức được đánh giá sử dụng nhiều là: “Thông qua các môn học trong chương trình”, “Thông qua hoạt động trải nghiệm theo chủ đề”

với ĐTB lần lượt là 4,13 và 4,19. Hiện nay, trong chương trình giáo dục cấp tiểu học có nhiều môn học để giáo viên có thể tích hợp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh như Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt... Về Hoạt động trải nghiệm, đây là hoạt động giáo dục bắt buộc trong trường tiểu học, có 3 thể loại bắt buộc tiến hành trong nhà trường là hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp. Câu lạc bộ là thể loại được khuyến khích thực hiện nhằm đa dạng các cách thực hiện. So với các thể loại khác, hoạt động trải nghiệm theo chủ đề có nhiều lợi thế là: Cấu trúc các chủ đề với các nội dung giáo dục được trình bày rõ ràng trong các sách giáo khoa cũng như tài liệu tham khảo. Nhiều chủ đề liên quan đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh. Thêm vào đó, cách tổ chức thường trên một lớp học ổn định. Do vậy, các giáo viên có thể dễ dàng tích hợp thường xuyên và có hệ thống hơn các thể loại khác.

Hình thức ít được sử dụng nhất là “Thông qua sinh hoạt ở câu lạc bộ”. Một giáo viên chia sẻ: “Hiện nay trong các trường, chủ yếu hình thành câu lạc bộ năng khiếu hoặc là Toán, Tiếng Việt..., ít trường thành lập câu lạc bộ rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tuy nhiên, theo quan điểm của tôi, học sinh tiểu học vừa mới thích nghi với môi trường học tập mới, các em lại ít kinh nghiệm sống, vì vậy, cần phải tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, trong đó có kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh” (GV1).

Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về phương pháp của việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học

STT	Phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh	ĐTB	ĐLC
1	Luyện tập	3,05	0,762
2	Giải quyết tình huống	3,20	0,778
3	Trải nghiệm	2,95	0,860
4	Khen ngợi	3,80	0,616
5	Làm mẫu	4,11	0,702
6	Làm gương	3,90	0,800
7	Trò chuyện, đàm thoại	4,09	0,795
8	Trò chơi	3,18	0,704
9	Đóng vai, diễn kịch	2,78	0,896

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Về phương pháp giáo dục, cả 9 phương pháp đều được đánh giá là có sử dụng trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học với các mức độ khác nhau (ĐTB từ 2,95 đến 4,11). Trong đó, “làm mẫu” và “trò chuyện, đàm thoại” được sử dụng nhiều nhất với ĐTB là 4,11 và 4,09. Đây là 2 phương pháp khá đặc trưng và dễ sử dụng trong giáo dục học sinh tiểu học. Với kỹ năng tự bảo vệ, việc làm mẫu là hết sức cần thiết. Nhìn vào các hành động mẫu của giáo viên, các học sinh có thể bắt chước.

Tuy nhiên, dữ liệu ở bảng 5 cho thấy có những phương pháp đặc trưng hình thành kỹ năng cho học sinh như “trải nghiệm”, “luyện tập”, “giải quyết tình huống” lại ít được sử dụng, chỉ ở mức “thỉnh thoảng”. Chính vì vậy, các trường cần tăng cường sử dụng các phương pháp này. Ngoài ra, các phương pháp như “trò chơi”, “đóng vai, diễn kịch” cũng cần được sử dụng nhiều hơn để tăng sức hút của các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh.

3.5. Thực trạng đội ngũ giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học

Đội ngũ giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học khá đa dạng. Đây là kết hợp của nhiều lực lượng trong trường như Ban giám hiệu, giáo viên hoạt động trải nghiệm, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, tổng phụ trách... Kết quả đánh giá sự tham gia của các lực lượng này được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về lực lượng tiến hành giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học

STT	Lực lượng	ĐTB	ĐLC
1	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	2,98	0,797
2	Giáo viên hoạt động trải nghiệm	4,16	0,751
3	Giáo viên chủ nhiệm	4,13	0,749
4	Giáo viên dạy bộ môn	3,16	0,696
5	Tổng phụ trách	2,84	0,746

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Các lực lượng đều được đánh giá tham gia vào giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh (ĐTB từ 2,84 đến 4,16). Trong đó, giáo viên hoạt động trải nghiệm và giáo viên chủ nhiệm được đánh giá là tham gia nhiều nhất với mức tham gia “khá thường xuyên”. Hiện nay, ở nhiều trường tiểu học, 2 giáo viên này có thể là một. Hoạt

động trải nghiệm (giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp) được tổ chức theo lớp thường giao cho giáo viên chủ nhiệm phụ trách để thuận lợi triển khai.

Để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học, các lực lượng khác trong nhà trường (ban giám hiệu, giáo viên bộ môn, tổng phụ trách) cần tham gia tích cực hơn trong các hoạt động.

3.6. Thực trạng các điều kiện đảm bảo thực hiện giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học

Để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học hiệu quả, cần có các điều kiện đảm bảo như: kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, các tài liệu, đội ngũ thực hiện. Bốn điều kiện này đã được khảo sát và kết quả được trình bày ở bảng 7.

Bảng 7. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các điều kiện đảm bảo giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở các trường tiểu học

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Đội ngũ thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh	3,19	0,619
2	Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh	3,92	0,797
3	Tài chính hỗ trợ hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh	2,94	0,767
4	Các tài liệu chuyên môn về hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở trong thư viện	3,93	0,720

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Dữ liệu ở bảng 7 cho thấy các điều kiện được đánh giá chủ yếu ở mức trung bình và khá với ĐTB từ 2,94 đến 3,93. “Các tài liệu chuyên môn về hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh ở trong thư viện” và “Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh” được đánh giá ở mức khá nhất. Điều kiện được đánh giá hạn chế nhất là “Tài chính hỗ trợ hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh”. Nguồn tài chính hiện nay chủ yếu lấy từ chi thường xuyên của nhà trường, trong khi nguồn kinh phí này không nhiều.

Ngoài ra, các giáo viên còn chia sẻ những hạn chế khác như: Nhiều kỹ năng tự bảo vệ khi giáo dục cho học sinh đòi hỏi cần có cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục đặc trưng như kỹ năng bơi lội, thoát hiểm trong tình huống khẩn cấp, chẳng hạn chữa cháy. Tuy vậy, hiện nay các trường không có bể bơi; bình chữa cháy không đủ để học sinh thực hành. Đội ngũ thực hiện cũng chỉ kiêm nhiệm, chưa đáp ứng được giáo dục một số kỹ năng chuyên biệt như bơi lội, thoát hiểm... (GV2, GV3).

4. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh đầy thách thức hiện nay, các cơ quan ban ngành giáo dục đều chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, trong đó có kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Kết quả khảo sát cho thấy các cán bộ quản lý, giáo viên cho thấy mức độ đáp ứng các kỹ năng tự bảo vệ của học sinh tiểu học còn thấp. Phần lớn các cán bộ quản lý, giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học. Các trường đã tiến hành giáo dục các kỹ năng tự bảo vệ cơ bản, song mức độ cần được tăng cường hơn. Các hình thức và phương pháp giáo dục khá đa dạng nhưng mức độ sử dụng chưa đồng đều. Một số phương pháp rèn kỹ năng chưa được sử dụng nhiều. Các điều kiện tài chính, cơ sở vật chất còn hạn chế. Các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học cần dựa trên thực trạng này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). *Công văn số 463/BGDĐT-GDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2015 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT ngày 10 tháng 8 năm 2018 về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018–2019 của ngành Giáo dục và Đào tạo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Hoàng, P. (Chủ biên). (2004). *Từ điển tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.

The current status of self-protection skills education for students in primary schools in Cu Chi district, Ho Chi Minh City

Ho Thi Bich Tuyen

Phu Hoa Dong Primary School, Cu Chi District, Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<i>Article history:</i> <i>Received: 16 September 2023</i> <i>Received in revised form: 06 October 2023</i> <i>Accepted: 15 October 2023</i> <i>Published: 20 December 2025</i> <i>Keywords:</i> <i>Education;</i> <i>Primary school students;</i> <i>Self-protection skills.</i> <i>Corresponding author:</i> <i>Ho Thi Bich Tuyen</i> <i>E-mail address:</i> <i>bichtuyen1777@gmail.com</i>	This study aimed to clarify the current status of self-protection skills education for students in the primary schools of Cu Chi District, Ho Chi Minh City. The results of a questionnaire survey involving 240 school administrators and teachers indicated their perception that primary students' self-protection skills were still limited. The majority of administrators and teachers recognized the importance of this education. While schools had implemented education on basic self-protection skills, the extent of this implementation needed to be enhanced. The educational forms and methods were quite diverse, but their application was uneven, with some skill-building methods being underutilized. Financial conditions and physical facilities were also found to be limited. This assessment of the current situation should serve as the basis for proposing measures to improve the effectiveness of self-protection skills education for primary school students.